

Số:/NQ-ĐHĐCĐ-MTA

(DỰ THẢO)

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019 được bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP;

Căn cứ Tờ trình số 78/TTr-HĐQT ngày 29/5/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc đề nghị thông qua nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP năm 2026;

Căn cứ Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 29/5/2026 của Ban Kiểm soát Tổng công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;

Căn cứ Biên bản số/BB-ĐHĐCĐ-MTA ngày 19/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP năm 2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chính sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

a) Công ty mẹ:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh TH/KH (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	400	297,1	74,3
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7	13,52	193
3	Nộp NS các loại thuế, phí	Tỷ đồng	25	21,93	87,72
4	Thu nhập bình quân	1.000 đồng	9.000	10.000	111,1

b) Toàn Tổng công ty:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh TH/KH (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.800	1.754	97,45
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50	84,28	168,56
3	Nộp NS các loại thuế, phí	Tỷ đồng	35	32,7	93,43
4	Thu nhập bình quân	1.000 đồng	10.000	10.884	108,8

2. Các chỉ tiêu và nội dung khác**a) Tình hình thực hiện đầu tư năm 2025:**

TT	Tên dự án	Kế hoạch (Tỷ đồng)	Thực hiện (Tỷ đồng)	Đạt (%)
1	Mua sắm, đầu tư, sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ SXKD và ĐT khác	5	2,475	49,5
2	Dự án ĐTXD Trung tâm Logistics Vũng Áng GĐ1	50	0	0
3	Sửa chữa Dự án khu nhà ở thí điểm cho CN và NLD thuê tại KKT Vũng Áng	15	15	100
	Tổng cộng	70	17,475	24,96

Nguyên nhân thực hiện đầu tư chưa đạt kế hoạch: Chủ yếu do Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics Vũng Áng GĐ1 chưa có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư nên chưa tiến hành thực hiện đầu tư.

b) Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tín dụng, huy động vốn năm 2025 (Công ty mẹ):

+ Tín dụng: Trả nợ cho các Ngân hàng: 15,9 tỷ đồng/KH 15,86 tỷ đồng, đạt 100%. Trong đó: Nợ gốc: 14,28 tỷ đồng; Nợ lãi: 1,62 tỷ đồng.

+ Huy động vốn: Vốn vay trung, dài hạn và vốn huy động khác: 0 tỷ đồng/KH 0 tỷ đồng; Vốn vay ngắn hạn: 15 tỷ đồng tỷ đồng/KH 20 tỷ đồng.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026**3.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:****a) Công ty mẹ:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	330
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13
3	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	20
4	Thu nhập bình quân NLD	đ/ng/tháng	11.000.000

b) Toàn Tổng công ty:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.550
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	61,5
3	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	25
4	Thu nhập bình quân NLD	đ/ng/tháng	11.000.000

3.2. Kế hoạch đầu tư:

Tổng giá trị đầu tư năm 2026 dự kiến là: 140 tỷ đồng, chi tiết:

Stt	Tên dự án	Số tiền đầu tư (tỷ đồng)
1	Mua sắm, đầu tư, sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ SXKD và đầu tư khác.	10
2	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics Vũng Áng.	50
3	Dự án đầu tư xây dựng cầu cảng 5, 6 Vũng Áng.	50
4	Dự án phát triển chăn nuôi lợn tại xã Cẩm Lạc.	30
	Tổng cộng	140



4. Kế hoạch Tài chính, Tín dụng, Huy động vốn năm 2026

4.1. Kế hoạch tài chính Tổng công ty:

- Doanh thu: 1.550 tỷ đồng
- Chi phí: 1.488,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 61,5 tỷ đồng

4.2. Công ty mẹ:

* Kế hoạch Tài chính

- Doanh thu: 330 tỷ đồng
- Chi phí: 317 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 13 tỷ đồng

* Kế hoạch tín dụng:

- Trả nợ cho các Ngân hàng: 21,8 tỷ đồng

Trong đó: + Nợ gốc: 20,2 tỷ đồng

+ Nợ lãi: 1,6 tỷ đồng

- Huy động vốn vay dài hạn: 30 tỷ đồng
- Huy động vốn vay ngắn hạn: 30 tỷ đồng

Điều 2. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Ban điều hành năm 2025; Triển khai nhiệm vụ năm 2026. (theo Báo cáo trong tài liệu trình đại hội)

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và triển khai Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát. (theo Báo cáo trong tài liệu trình đại hội)

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 Tổng công ty đã lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY với các chỉ tiêu chính:

1. Bảng cân đối kế toán:

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ		HN Tổng công ty	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Tổng tài sản	1.283.085.184.794		1.805.403.548.250	
-	Tài sản ngắn hạn	478.062.418.180	37,26	786.552.416.124	43,57
-	Tài sản dài hạn	805.022.766.614	62,74	1.018.851.132.126	56,43
2	Tổng nguồn vốn	1.283.085.184.794		1.805.403.548.250	
-	Nợ phải trả	134.093.181.216	10,44	866.038.756.157	47,97
-	Vốn chủ sở hữu	1.148.992.003.578	89,56	1.411.066.140.240	52,03
	Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	1.101.135.914.618		1.101.135.914.618	

2. Bảng kết quả hoạt động kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	HN Tổng công ty
1	Doanh thu thuần	239.797.977.727	1.418.398.594.055
2	Lợi nhuận gộp	(4.875.715.405)	223.083.270.733
3	Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu thuần		15,72%
4	Thu nhập tài chính	57.285.042.408	24.798.001.049
5	Chi phí tài chính	(6.780.634.793)	32.508.318.422
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	3.025.613.210	24.290.958.142
6	Chi phí bán hàng	2.236.139.220	35.653.428.951
7	Chi phí quản lý	39.329.229.820	101.041.577.976
8	Lợi nhuận kinh doanh	17.624.592.756	78.677.946.433
9	Lợi nhuận khác	(4.103.829.503)	(5.330.609.285)
10	Tổng lợi nhuận trước thuế	13.520.763.253	73.347.337.148
11	Thuế TNDN	0	10.343.089.894
12	Chi phí thuế TN hoãn lại	0	(4.289.602.609)
13	Lợi nhuận sau thuế	13.520.763.253	67.293.849.863
14	Lợi nhuận của cổ đông thiểu số		34.682.435.188
15	Lợi nhuận của Công ty mẹ		32.611.414.675

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận được phân phối	Đồng	15.437.485.756
-	LN chưa phân phối năm trước chuyển sang	“	1.916.722.503
-	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay (2025)	“	13.520.763.253
2	Trích lập các quỹ:	“	
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi (tối đa 3 tháng lương)	“	3.000.000.000
-	Quỹ Đầu tư Phát triển	“	1.426.126.609
3	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối = (1)-(2)	“	11.011.359.147
4	Phân phối cổ tức cho cổ đông (1%VĐL)		11.011.359.147
5	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau = (3)-(4)		0

Điều 6. Thông qua Quyết toán chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2025; Kế hoạch chi trả năm 2026.

1. Quyết toán năm 2025:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
I	Quỹ lương	3	996	928,8	(67,2)
-	Chủ tịch HĐQT	1	504	436,8	(67,2)
-	Trưởng ban kiểm soát	1	300	300	0
-	Thành viên BKS	1	192	192	0
II	Quỹ thù lao	6	396	381,333	(14,667)
-	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	288	277,333	(10,667)
-	Thành viên BKS không chuyên trách	1	36	36	0
-	Thư ký HĐQT	2	72	68	(4)
	Cộng	9			

Thanh toán chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS Tổng công ty: Giao Tổng giám đốc Tổng công ty thanh toán chi trả.

2. Kế hoạch năm 2026:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Mức quỹ lương, thù lao/tháng	Thành tiền (năm)
1	Quỹ lương (chuyên trách)			1.224
-	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1	56	672
-	Trưởng Ban kiểm soát	1	29	348
-	Thành viên Ban kiểm soát	1	17	204
2	Quỹ thù lao (không chuyên trách)			264
-	Thành viên Hội đồng quản trị	2	8	192
-	Thành viên Ban kiểm soát	1	3	36
-	Thư ký Tổng công ty	1	3	36
	Cộng	7		1.488

Lương của Chủ tịch hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2026

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty sau khi có đề xuất của Tổng giám đốc Tổng công ty lựa chọn 01 trong 03 Công ty kiểm toán sau đây để kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY);
2. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC);
3. Công ty TNHH kiểm toán và Thẩm định giá Việt nam (AVA).

Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2026 nhất trí và thông qua toàn văn với tỷ lệ biểu quyết% số cổ phần tham dự/ủy quyền tham dự có quyền biểu quyết tại đại hội. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể cổ đông Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động phù hợp với Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- UBCKNN; (B/c)
- Sở GD&ĐT HN; (B/c)
- Website: mitraco.com.vn;
- Lưu VT, Thư ký TCT.

Lê Viết Thảo

No.:/NQ-ĐHĐCĐ-MTA

(DRAFT)

Ha Tinh, June 19, 2026

RESOLUTION
OF THE 2025 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERSHA
TINH MINERALS AND TRADING JOINT STOCK CORPORATION

Based on the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14; Law No. 76/2025/QH15 amending and supplementing a number of articles of the Law on Enterprises 2020 and its guiding documents;

Based on the Law on Securities No. 54/2019/QH11 dated November 26, 2019, as supplemented by Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024, and its implementing guiding documents;

Based on the Law on Management and Investment of State Capital in Enterprises No. 68/2025/QH15 dated June 14, 2025;

Based on Decree No. 366/2025/ND-CP of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Management and Investment of State Capital in Enterprises;

Based on the Charter on Organization and Operation of Ha Tinh Minerals and Trading Joint Stock Corporation;

Based on Proposal No. 78/TTr-HĐQT dated May 29, 2026 of the Board of Directors of the Corporation regarding the request for approval of the agenda of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Ha Tinh Minerals and Trading Joint Stock Corporation;

Based on Proposal No. 01/TTr-BKS dated May 29, 2026 of the Supervisory Board of the Corporation regarding the selection of the auditing unit for the 2026 Financial Statements;

Based on Minutes No./BB-ĐHĐCĐ-MTA dated June 19, 2026 of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Ha Tinh Minerals and Trading Joint Stock Corporation,

RESOLVES:

Article 1. Approve the production and business results for 2025; the production and business plan for 2026 with the following main targets:

1. Production and business results for 2025

a) Parent company:

No	Indicator	Unit	2025 Plan	2025 Actual	Comparison Actual/Plan (%)
1	Revenue	Billion VND	400	297,1	74,3
2	Profit after tax	Billion VND	7	13,52	193
3	State budget contribution (taxes, fees)	Billion VND	25	21,93	87,72
4	Average income	1.000 VND	9.000	10.000	111,1

b) Entire Corporation:

No	Indicator	Unit	2025 Plan	2025 Actual	Comparison Actual/Plan (%)
1	Revenue	Billion VND	1.800	1.754	97,45
2	Profit after tax	Billion VND	50	84,28	168,56
3	State budget contribution (taxes, fees)	Billion VND	35	32,7	93,43
4	Average income	1.000 VND	10.000	10.884	108,8

2. Other targets and contents

a) Investment implementation status in 2025:

No	Project name	Plan (Billion VND)	Actual (Billion VND)	Achievement (%)
1	Procurement, investment, major repair of fixed assets for production, business and other investments	5	2,475	49,5
2	Vung Ang Logistics Center Construction Investment Project Phase 1	50	0	0
3	Repair of Pilot Housing Project for lease to workers and employees in Vung Ang Economic Zone	15	15	100
	Tổng cộng	70	17,475	24,96

Reason for investment performance not reaching the plan: Mainly because the Vung Ang Logistics Center Construction Investment Project Phase 1 has not yet received written approval for its investment policy, so the investment implementation has not been carried out.

b) Implementation status of certain credit and capital mobilization targets in 2025 (Parent company):

- Credit: Debt repayment to Banks: 15.9 billion VND / Plan 15.86 billion VND, reaching 100%. Of which: Principal debt: 14.28 billion VND; Interest debt: 1.62 billion VND.

- Capital mobilization: Medium and long-term loan capital and other mobilized capital: 0 billion VND / Plan 0 billion VND; Short-term loan capital: 15 billion VND / Plan 20 billion VND.

3. Production, business and investment plan for 2026

3.1. Production and business plan for 2026:

a) Parent company:

No	Indicator	Unit	2026 Plan
1	Total revenue	Billion VND	330
2	Profit after tax	Billion VND	13
3	State budget contribution	Billion VND	20
4	Average income of employees	VND/person/month	11.000.000

b) Entire Corporation:

No	Indicator	Unit	2026 Plan
1	Total revenue	Billion VND	1.550
2	Profit after tax	Billion VND	61,5
3	State budget contribution	Billion VND	25
4	Average income of employees	VND/person/month	11.000.000

3.2. Investment Plan:

The total expected investment value for 2026 is: VND 140 billion, detailed as follows:

No	Project Name	Investment Amount (billion VND)
1	Procurement, investment, major repair of fixed assets for production, business and other investments.	10
2	Vung Ang Logistics Center Construction Investment Project.	50
3	Vung Ang Port Berth No. 5 and 6 Construction Investment Project.	50
4	Pig farming development project in Cam Lac commune.	30
	Total	140

4. Financial, Credit, and Capital Mobilization Plan for 2026

4.1. Corporation's Financial Plan:

- Revenue: VND 1.550 billion
- Expenses: VND 1.488,5 billion
- Profit after tax: VND 61.5 billion

4.2. Parent Company:

** Financial Plan*

- Revenue: VND 330 billion
- Expenses: VND 317 billion
- Profit after tax: VND 13 billion

** Credit Plan:*

- Debt repayment to Banks: VND 21,8 billion
- Of which: + Principal debt: VND 20,2 billion
+ Interest debt: VND 1,6 billion
- Long-term loan capital mobilization: VND 30 billion
 - Short-term loan capital mobilization: VND 30 billion

Article 2. Approve the Report on the performance of the Board of Directors, the Report on the production and business results of the Executive Board in 2025; Implementation of tasks for 2026. *(according to the Report in the documents submitted to the meeting)*

Article 3. Approve the 2025 Activity Report and the implementation of the 2026 Activity Plan of the Supervisory Board. *(according to the Report in the documents submitted to the meeting)*

Article 4. Approve the 2025 Financial Statements of the Corporation prepared and audited by UHY Auditing and Consulting Company Limited with the following main targets:

1. Balance Sheet:

No	Indicator	Parent Company		Consolidated Corporation	
		Value (VND)	Ratio (%)	Value (VND)	Ratio (%)
1	Total assets	1.283.085.184.794		1.805.403.548.250	
-	Current assets	478.062.418.180	37,26	786.552.416.124	43,57
-	Non-current assets	805.022.766.614	62,74	1.018.851.132.126	56,43
2	Total equity and liabilities	1.283.085.184.794		1.805.403.548.250	
-	Owner's equity	134.093.181.216	10,44	866.038.756.157	47,97
-	Owner's equity	1.148.992.003.578	89,56	1.411.066.140.240	52,03

No	Indicator	Parent Company		Consolidated Corporation	
		Value (VND)	Ratio (%)	Value (VND)	Ratio (%)
	Of which: Owner's contributed capital	1.101.135.914.618		1.101.135.914.618	

2. Income Statement:

No	Indicator	Parent Company (VND)	Consolidated Corporation
1	Net revenue	239.797.977.727	1.418.398.594.055
2	Gross profit	(4.875.715.405)	223.083.270.733
3	Gross profit margin / Net revenue ratio		15,72%
4	Financial income	57.285.042.408	24.798.001.049
5	Financial expenses	(6.780.634.793)	32.508.318.422
-	<i>Of which: Interest expenses</i>	3.025.613.210	24.290.958.142
6	Selling expenses	2.236.139.220	35.653.428.951
7	General and administrative expenses	39.329.229.820	101.041.577.976
8	Operating profit	17.624.592.756	78.677.946.433
9	Other profit	(4.103.829.503)	(5.330.609.285)
10	Total profit before tax	13.520.763.253	73.347.337.148
11	Corporate Income Tax (CIT)	0	10.343.089.894
12	Deferred income tax expenses	0	(4.289.602.609)
13	Profit after tax	13.520.763.253	67.293.849.863
14	Non-controlling interests' profit		34.682.435.188
15	Parent company's profit		32.611.414.675

Article 5. Approve the Profit Distribution Plan for 2025

No	Indicator	Unit	Amount
1	Total distributable profit	VND	15.437.485.756
-	Undistributed profit carried forward from previous years	"	1.916.722.503
-	Profit after CIT of this year (2025)	"	13.520.763.253
2	Appropriation to funds:	"	
-	Bonus and welfare fund (maximum 3 months' salary)	"	3.000.000.000

No	Indicator	Unit	Amount
-	Development and Investment Fund	“	1.426.126.609
3	Remaining undistributed profit = (1)-(2)	“	11.011.359.147
4	Dividend distribution to shareholders (1% of Charter Capital)		11.011.359.147
5	Remaining profit carried forward to next year = (3)-(4)		0

Article 6. Approve the Settlement of salary and remuneration payment for the Board of Directors, Supervisory Board, and Secretary in 2025; the Payment Plan for 2026.

1. Settlement for 2025:

Unit: Million VND

No	Title	No. of people	Plan	Actual	Difference
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
I	Salary fund	3	996	928,8	(67,2)
-	Chairman of the BOD	1	504	436,8	(67,2)
-	Head of the Supervisory Board	1	300	300	0
-	Member of the Supervisory Board	1	192	192	0
II	Remuneration fund	6	396	381,333	(14,667)
-	Part-time members of the BOD	3	288	277,333	(10,667)
-	Part-time member of the Supervisory Board	1	36	36	0
-	Secretary of the BOD	2	72	68	(4)
	Total	9			

Payment of salary and remuneration to the BOD and Supervisory Board of the Corporation: Authorize the General Director of the Corporation to process the payment.

2. Plan for 2026:

Unit: Million VND

No	Title	No. of people	Monthly salary and remuneration fund level	Total amount (annual)
1	Salary fund (Full-time)			1.224
-	Chairman of the Board of Directors	1	56	672

No	Title	No. of people	Monthly salary and remuneration fund level	Total amount (annual)
-	Head of the Supervisory Board	1	29	348
-	Member of the Supervisory Board	1	17	204
2	Remuneration fund (Part-time)			264
-	Members of the Board of Directors	2	8	192
-	Member of the Supervisory Board	1	3	36
-	Corporation Secretary	1	3	36
	Total	7		1.488

The salary of the Chairman of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the remuneration of the members of the Board of Directors are based on the actual situation and approved by the Annual General Meeting of Shareholders.

Article 7. Selection of the auditing unit for the 2026 financial statements

The Annual General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors and the Supervisory Board of the Corporation, after receiving the proposal from the General Director of the Corporation, to select 01 out of the following 03 Auditing Companies to audit the financial statements of the Corporation:

1. UHY Auditing and Consulting Company Limited (UHY);
2. AASC Auditing Firm Company Limited (AASC);
3. Vietnam Auditing and Valuation Company Limited (AVA).

Article 8. Implementation provisions

This Resolution was unanimously agreed upon and approved in its entirety by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of the Corporation with a voting rate of% of the total attending/authorized shares with voting rights at the meeting. The Resolution shall take effect from the date of its approval. Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Executive Board, and all shareholders of Ha Tinh Minerals and Trading Joint Stock Corporation are responsible for executing this Resolution and organizing its implementation within their authority and operational functions in accordance with the Charter of the Corporation and current provisions of law./.

Recipients:

- As in Article 8;
- State Securities Commission (SSC); (Report)
- Hanoi Stock Exchange (HNX); (Report)
- Website: mitraco.com.vn;
- Archived: Corporate Archives, Cor Secretary.

**ON BEHALF OF THE GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN OF THE MEETING**

Le Viet Thao

